

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

V/v tiếp tục rà soát hoàn thiện danh mục chỉ tiêu năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 theo Kết luận số 18-KL/TW, Nghị quyết số 109/NQ-CP

**KHẨN**

Kính gửi:

- Các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Xây dựng; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 13; Thống kê tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế.

Thực hiện Thông báo số 238/TB-VPCP ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng tại cuộc họp về việc giao chỉ tiêu tăng trưởng cho các địa phương, doanh nghiệp nhà nước để thực hiện Kết luận số 18-KL/TU của Trung ương và Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ;

Trước đó, UBND tỉnh đã có văn bản gửi Bộ Tài chính tổng hợp dự kiến các chỉ tiêu tăng trưởng năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Đồng Tháp tại Công văn số 1211/UBND-TH ngày 28/4/2026 (phúc đáp Công văn số 5097/BTC-NSNN ngày 22/4/2026 của Bộ Tài chính). Tuy nhiên, theo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục rà soát danh mục chỉ tiêu, hướng dẫn các địa phương hoàn thiện đầy đủ các chỉ tiêu theo đúng yêu cầu của Kết luận số 18-KL/TW và Nghị quyết số 109/NQ-CP.

Từ cơ sở trên, UBND tỉnh yêu cầu Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành tỉnh khẩn trương triển khai thực hiện các nội dung sau:

**1. Hoàn thiện danh mục các chỉ tiêu năm 2026 và 5 năm 2026 - 2030 của tỉnh bảo đảm phù hợp và theo đúng Kết luận số 18-KL/TW, Nghị quyết số 109/NQ-CP**

1.1. Trên cơ sở danh mục chỉ tiêu và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, giao Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan tổ chức rà soát, cập nhật, hoàn thiện đầy đủ các chỉ tiêu năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách tại **Phụ lục I và Phụ lục II**. Trong đó, bảo đảm:

- Bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Trung ương và Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ.
- Đồng bộ, thống nhất với hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của

tính; phù hợp tình hình thực tiễn, khả năng thực hiện và định hướng phát triển của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

- Bảo đảm tính đầy đủ, khả thi, có cơ sở tính toán, xác định rõ phương pháp, đơn vị tính, nguồn số liệu và cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi thực hiện.

1.2. Các sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm dự kiến chỉ tiêu năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 đối với ngành, lĩnh vực phụ trách, gửi Sở Tài chính tổng hợp, cân đối chung:

- Đối với các chỉ tiêu mới hoặc chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định, giao Sở, ban, ngành tỉnh chủ động rà soát, kịp thời trao đổi với các Bộ quản lý ngành để được hướng dẫn, thống nhất thực hiện; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính, Thống kê tỉnh trong quá trình rà soát, cập nhật và hoàn thiện chỉ tiêu thuộc lĩnh vực phụ trách.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đồng bộ và khả thi của số liệu, nội dung đề xuất; gửi nội dung hoàn thiện về Sở Tài chính **chậm nhất ngày 14/5/2026** để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh.

1.3. Giao Sở Tài chính:

- Chủ trì tổng hợp đầy đủ danh mục chỉ tiêu của tỉnh theo yêu cầu của Bộ Tài chính; rà soát bảo đảm tính logic, thống nhất giữa các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, đầu tư, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, năng suất lao động và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội liên quan.

- Hoàn thiện báo cáo, phụ lục chỉ tiêu, trình UBND tỉnh **chậm nhất ngày 16/5/2026**, để gửi Bộ Tài chính theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện, chủ động theo dõi tiến độ, đôn đốc các Sở, ngành tỉnh thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo đối với các nội dung vượt thẩm quyền hoặc phát sinh khó khăn, vướng mắc.

1.4. Đề nghị Thống kê tỉnh:

- Phối hợp Sở Tài chính và các sở, ban, ngành tỉnh **rà soát, chuẩn hóa toàn bộ danh mục chỉ tiêu năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030** bảo đảm thống nhất với Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh theo Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg và hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành, lĩnh vực.

- Hướng dẫn, phối hợp xác định phương pháp tính, đơn vị tính, phạm vi thu thập, nguồn số liệu và cơ quan chịu trách nhiệm cung cấp số liệu đối với từng chỉ tiêu; bảo đảm tính thống nhất, khả năng so sánh và tổng hợp số liệu theo quy định của pháp luật về thống kê.

- Phối hợp rà soát tính logic, tính đồng bộ giữa các chỉ tiêu tăng trưởng GRDP, năng suất lao động, đầu tư, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội khác; kịp thời cảnh báo các trường hợp chồng chéo, trùng lặp hoặc thiếu cơ sở thống kê.

- Tham gia thẩm định, đánh giá tính khả thi của các chỉ tiêu dự kiến trên cơ sở xu hướng số liệu thống kê, kết quả thực hiện các năm trước và kịch bản tăng trưởng của tỉnh.

- Phối hợp Sở Tài chính tổng hợp khó khăn, vướng mắc liên quan đến phương pháp thống kê, xác định chỉ tiêu mới hoặc chỉ tiêu chưa có hướng dẫn; tham mưu trao đổi với Bộ Tài chính, Cục Thống kê và các bộ quản lý ngành để thống nhất thực hiện.

- Theo dõi, cập nhật tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu; cung cấp dữ liệu thống kê phục vụ công tác đánh giá, báo cáo UBND tỉnh và các cơ quan Trung ương theo yêu cầu.

Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung trên, gửi UBND tỉnh (đồng gửi Sở Tài chính tổng hợp) **chậm nhất ngày 14/5/2026**.

## **2. Về giao chỉ tiêu cho doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh**

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan đại diện chủ sở hữu, các sở, ngành và doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh:

- Rà soát, đề xuất các chỉ tiêu năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm phù hợp với Kết luận số 18-KL/TW, Nghị quyết số 109/NQ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Xác định cụ thể các chỉ tiêu chủ yếu liên quan đến tăng trưởng, đầu tư phát triển, doanh thu, nộp ngân sách, chuyển đổi số, đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu liên quan khác theo hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- Chủ động làm việc với các doanh nghiệp nhà nước để rà soát tính khả thi, khả năng thực hiện và lộ trình triển khai các chỉ tiêu được giao.

- Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét giao chỉ tiêu cho các doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo đúng yêu cầu, tiến độ. Trình UBND tỉnh xem xét, quyết định **trước ngày 17/5/2026**./.

*Đính kèm:*

- Thông báo số 238/TB-VPCP ngày 08/5/2026 của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 5097/BTC-NSNN ngày 22/4/2026 của Bộ Tài chính; Công văn số 1211/UBND-TH ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh.

- Phụ lục I, Phụ lục II: Danh mục chỉ tiêu năm 2026 và giai đoạn 2026 – 2030 cần rà soát, hoàn chỉnh. /K

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP và các PCVP;  
Phòng TH (tham mưu ND 1);  
Phòng KT (tham mưu ND 2);
- Lưu: VT, KT, TH<sub>(nmthu)</sub>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**   
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Erần Văn Dũng*

**Phụ lục I**  
**MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP**  
*(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì dự kiến chỉ tiêu
<b>I</b>	<b>VỀ KINH TẾ</b>		
1	Tốc độ tăng trưởng GDRP bình quân/năm (%). Trong đó:	≥ 9,0	Sở Tài chính phối hợp Thống kê tỉnh, Sở, ngành liên quan
1.1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	4,0	Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Thống kê tỉnh
1.2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	14,80	Sở Công Thương, Sở Xây dựng phối hợp thống kê tỉnh
	- Công nghiệp	14,50	Sở Công Thương phối hợp với Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
	<i>Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	*	<b>Sở Công Thương phối hợp với Sở Tài chính, Thống kê tỉnh</b>
	- Xây dựng	16,30	Sở Xây dựng phối hợp với Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
1.3	Khu vực dịch vụ	8,90	Sở Công Thương phối hợp với Sở Tài chính
	<i>Trong đó:</i>		
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	*	Sở Công Thương phối hợp với Thống kê tỉnh
	- Vận tải, kho bãi	*	Sở Xây dựng phối hợp với Sở Công Thương, Thống kê tỉnh
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	*	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp Sở Công Thương, Thống kê tỉnh
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	*	Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng nhà nước CN KV 13, Thống kê tỉnh
	- Khoa học và Công nghệ	*	Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Thống kê tỉnh
1.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	6,20	Sở Tài chính phối hợp Thống kê tỉnh, Sở, ngành liên quan
2	GRDP bình quân đầu người (USD) đến năm 2030	5.499 - 5.640	Sở Tài chính phối hợp Thống kê tỉnh
3	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm (IIP) (%)	≥ 12,0	Sở Công Thương phối hợp với Thống kê tỉnh
4	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đến năm 2030 (%)	25	Sở Công Thương phối hợp Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
5	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người (USD)	*	<b>Sở Công Thương phối hợp Sở Tài chính, Thống kê tỉnh</b>
6	Tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (%)	≥ 14,1	Sở Công Thương phối hợp với Sở Tài chính, Thống kê tỉnh và Sở, ngành có liên quan
7	Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa (%)	10,0	Sở Công Thương phối hợp với Thống kê tỉnh, Chi cục Hải quan Khu vực XX
8	Tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa (%)	5,45	Sở Công Thương phối hợp với Thống kê tỉnh, Chi cục Hải quan Khu vực XX
9	Tăng trưởng bình quân doanh số thương mại điện tử (%)	*	<b>Sở Công Thương phối hợp với Thống kê tỉnh</b>

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì dự kiến chỉ tiêu
10	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa (%)	*	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp Sở Công Thương, Thống kê tỉnh
11	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn (nghìn tỷ đồng)	702.668	Sở Tài chính phối hợp Thống kê tỉnh
	<i>Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP (%)</i>	33,0	
12	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	8,0	Sở Tài chính phối hợp với Thống kê tỉnh
13	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đến năm 2030 (%)	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
14	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2030 (%)	> 40	Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài chính
15	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân (%)	*	Sở Công Thương phối hợp với các công ty điện lực
16	Số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn đến năm 2030 (nghìn doanh nghiệp)	34,550	Sở Tài chính
17	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	34	Sở Xây dựng
<b>II VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI</b>			
18	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	76,21	Sở Y tế phối hợp với Thống kê tỉnh
19	Thời gian sống khỏe (năm)	*	Sở Y tế phối hợp với Thống kê tỉnh
20	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội trên địa bàn (%)	< 20,0	Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh
21	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)	≥ 43,5	Sở Nội vụ phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Thống kê tỉnh
22	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đến năm 2030 (%)	*	Sở Nội vụ phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Thống kê tỉnh
23	Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM đến năm 2030 (%)	*	Sở Nội vụ phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Thống kê tỉnh
24	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030 (%)	**	Sở Nội vụ phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Thống kê tỉnh
25	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) (%)	Không còn	Sở Nông nghiệp và Môi trường
26	Số bác sĩ/vận dân đến năm 2030 (người)	≥ 11	Sở Y tế phối hợp với Thống kê tỉnh
27	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm <sup>(1)</sup>	100	Sở Y tế phối hợp với các địa phương
28	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân (%)	100	Sở Y tế phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh
29	Chỉ số phát triển con người (HDI)	> 0,7	Thống kê tỉnh phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế
<b>III VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b>			
30	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đến năm 2030 (%)	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Ban Quản lý Khu kinh tế, Thống kê tỉnh
31	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (%)	65 - 70	Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Thống kê tỉnh
32	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường (%)	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Thống kê tỉnh
33	Tỷ lệ cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất xanh đến năm 2030 (%)	*	Sở Công Thương phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì dự kiến chỉ tiêu
34	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đến năm 2030 (%)	*	Sở Công Thương phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính
35	Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức (%)	1,2	Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Thống kê tỉnh

Ghi chú: (\*) Chỉ tiêu chưa xác định ở cấp tỉnh do chưa có phương pháp tính thống nhất hoặc thiếu dữ liệu đầu vào (phụ thuộc nguồn Trung ương/điều tra chuyên đề): **cần cập nhật đầy đủ**

**Phụ lục II**  
**MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG NĂM 2026 CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP**  
*(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Chỉ tiêu	Quý I năm 2026 (Ước tính)	Năm 2026	9 tháng cuối năm 2026	Cơ quan chủ trì dự kiến chỉ tiêu
<b>I</b>	<b>VỀ KINH TẾ</b>				
1	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân/năm (%). Trong đó:	6,14	8,0 - 8,5	8,5 - 9,2	Sở Tài chính phối hợp Thống kê tỉnh, Sở, ngành liên quan
1.1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	3,47	4,0	4,4 - 4,9	Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Thống kê tỉnh
1.2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	7,89	13,2	14,6 - 15,8	Sở Công Thương, Sở Xây dựng phối hợp thống kê tỉnh
	- Công nghiệp	8,14	12,5	13,8 - 14,6	Sở Công Thương phối hợp với Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
	<i>Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>		*		Sở Công Thương phối hợp với Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
	- Xây dựng	6,18	16,3	18,7 - 21,3	Sở Xây dựng phối hợp với Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
1.3	Khu vực dịch vụ	7,57	8,1	7,9 - 8,4	Sở Công Thương phối hợp với Sở Tài chính
	<i>Trong đó:</i>		*		
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...		*		Sở Công Thương phối hợp với Thống kê tỉnh
	- Vận tải, kho bãi		*		Sở Xây dựng phối hợp với Sở Công Thương, Thống kê tỉnh
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống		*		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp Sở Công Thương, Thống kê tỉnh
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		*		Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng nhà nước CN KV 13, Thống kê tỉnh
	- Khoa học và Công nghệ		*		Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Thống kê tỉnh
1.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	7,73	5,5	8,4 - 8,8	Sở Tài chính phối hợp Thống kê tỉnh, Sở, ngành liên quan
2	GRDP bình quân đầu người (USD)	x	3.787	x	Sở Tài chính phối hợp Thống kê tỉnh
3	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm (IIP) (%)	10,5	12,0		Sở Công Thương phối hợp với Thống kê tỉnh
4	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP (%)		> 21,0		Sở Công Thương phối hợp Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
5	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người (USD)	x		x	Sở Công Thương phối hợp Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
6	Tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (%)	12,0 <sup>2</sup>	13,8	14,0	Sở Công Thương phối hợp với Sở Tài chính, Thống kê tỉnh và Sở, ngành có liên quan
7	Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa (%)	15,11	7,81	5,79	Sở Công Thương phối hợp với Thống kê tỉnh, Chi cục Hải quan Khu vực XX
8	Tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa (%)	3,4	4,98	4,61	Sở Công Thương phối hợp với Thống kê tỉnh, Chi cục Hải quan Khu vực XX
9	Tăng trưởng bình quân doanh số thương mại điện tử (%)		*		Sở Công Thương phối hợp với Thống kê tỉnh
10	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa (%)		*		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp Sở Công Thương, Thống kê tỉnh
11	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn (nghìn tỷ đồng)	15,625	93,3 - 94,5		Sở Tài chính phối hợp Thống kê tỉnh
	<i>Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP</i>	20,53	30,6		

TT	Chỉ tiêu	Quý I năm 2026 (Ước tính)	Năm 2026	9 tháng cuối năm 2026	Cơ quan chủ trì dự kiến chỉ tiêu
12	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	x	7,3	x	Sở Tài chính phối hợp với Thống kê tỉnh
13	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP (%)	x	14,5	x	Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
14	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp trên	x	≥ 18	x	Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài chính
15	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân (%)		*		Sở Công Thương phối hợp với các công ty điện lực
16	Số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn (nghìn doanh nghiệp)	13,82	15,2	14,7	Sở Tài chính
17	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	x	31,86	x	Sở Xây dựng
<b>II</b>	<b>VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI</b>				
18	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	x	75,87	x	Sở Y tế phối hợp với Thống kê tỉnh
19	Thời gian sống khỏe (năm)	x	*	x	Sở Y tế phối hợp với Thống kê tỉnh
20	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội trên địa bàn (%)	x	< 33,0	x	Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh
21	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)	x	38,2	x	Sở Nội vụ phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Thống kê tỉnh
22	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin (%)		*		Sở Nội vụ phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Thống kê tỉnh
23	Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM (%)		*		Sở Nội vụ phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Thống kê tỉnh
24	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động (%)		*		Sở Nội vụ phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Thống kê tỉnh
25	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) (%)	x	0,56	x	Sở Nông nghiệp và Môi trường
26	Số bác sĩ/vận dân (người)	9,13	9,2	9,13	Sở Y tế phối hợp với Thống kê tỉnh
27	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm (%)		*		Sở Y tế phối hợp với các địa phương
28	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân (%)	x	96,00	x	Sở Y tế phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh
29	Chỉ số phát triển con người (HDI)	x	*	x	Thống kê tỉnh phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế
<b>III</b>	<b>VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b>				
30	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	100	100	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Ban Quản lý Khu kinh tế, Thống kê tỉnh
31	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (%)	20 - 30	35 - 40	35 - 40	Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Thống kê tỉnh
32	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường (%)	100	100	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Thống kê tỉnh
33	Tỷ lệ cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất xanh (%)		*		Sở Công Thương phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính
34	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả (%)		*		Sở Công Thương phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính
35	Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức (%)	1,23	1,22	1,22	Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Thống kê tỉnh

\* Ghi chú: (x) là các chỉ tiêu không tính toán, công bố theo Quý.